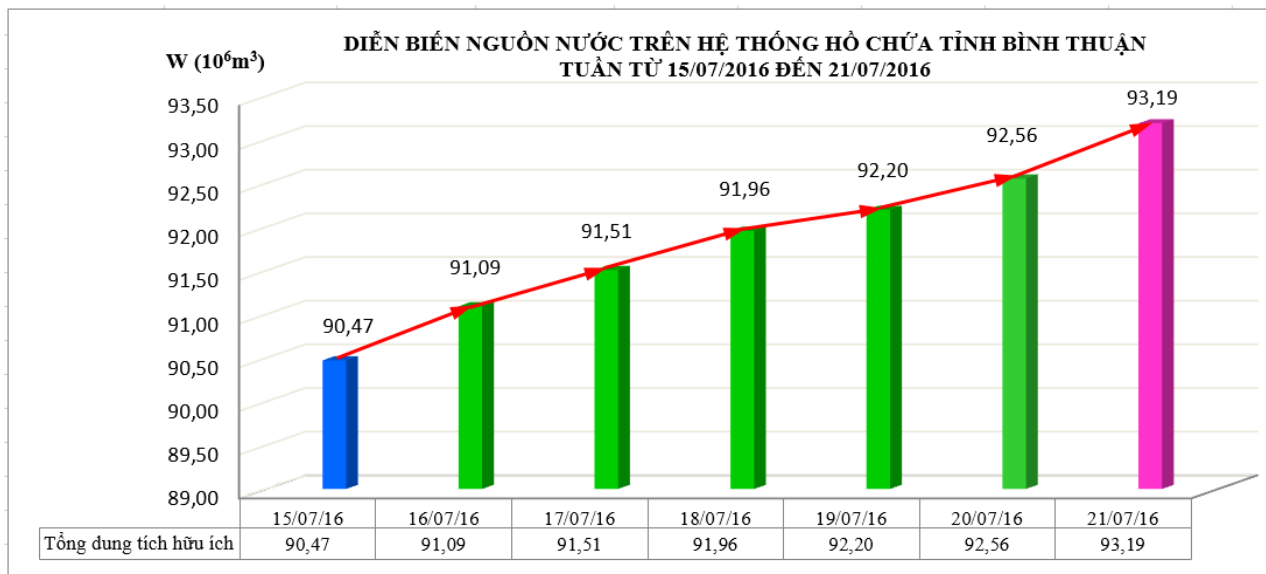


BẢN TIN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC
SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2016
(Tuần từ 22/07/2016 đến 28/07/2016)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 15/07 – 21/07/2016

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Thuận từ ngày 15/07/2016 đến 21/07/2016 được trình bày tại Hình 1. Trong tuần vừa qua, trên địa bàn tỉnh, một số ngày có mưa nên có nguồn nước bổ sung cho các hồ, đập. Tổng dung tích các hồ có xu hướng tăng so với đầu tuần, mức tăng bình quân là 0,45 triệu m³/ngày, tổng lượng tăng là 2,72 triệu m³.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 15/07-21/07/2016

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 21/07/2016.

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi.

Tính đến ngày 21/07/2016 tổng dung tích của 16 hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 93,19 triệu m³, đạt 43,03 % so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Vì tuần qua trên địa bàn tỉnh, lượng mưa ít và phân bố không đều nên còn 1 hồ cạn nước là: hồ Đá Bạc

(4,86 % dung tích hữu ích thiết kế); 5 hồ lượng nước tích còn ít (ít hơn 30% dung tích hữu ích thiết kế) gồm: hồ Lòng Sông (26,07%), hồ Sông Khán (18,44%), hồ Sông Móng (19,64%), hồ Núi Đất (24,2%), hồ Phan Dũng (19,45%).

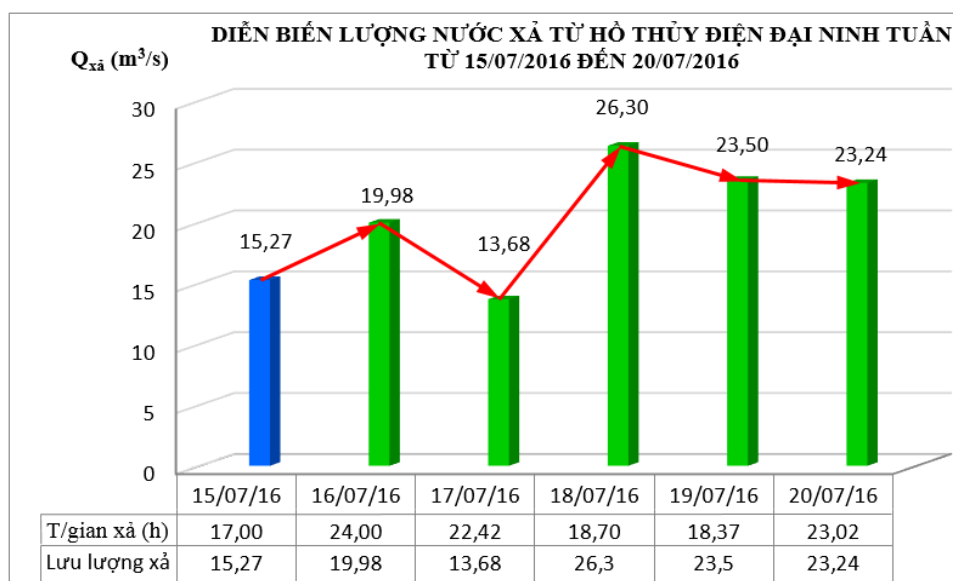
Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 21/07/2016

| STT | Tên các Hồ chứa | DUNG TÍCH (10^6 m^3) | | | | | | Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế |
|------------------|-----------------|----------------------------------|----------------|----------------|---------------|------------------|------------------|--|
| | | Hiện tại | Bình thường | Gia cường | Chết | Hữu ích thiết kế | Hữu ích hiện tại | |
| 1 | Đá Bạc | 0,610 | 4,87 | 9,718 | 0,392 | 4,478 | ▼ 0,218 | 4,86% |
| 2 | Lòng Sông | 12,249 | 37,16 | 40,271 | 3,464 | 33,696 | ▼ 8,785 | 26,07% |
| 3 | Cà Giây | 33,021 | 36,921 | 63,209 | 8,409 | 28,512 | ▲ 24,612 | 86,32% |
| 4 | Sông Khán | 0,584 | 2,014 | 2,52 | 0,261 | 1,753 | ▲ 0,323 | 18,44% |
| 5 | Sông Quao | 35,564 | 73 | 80 | 5,7 | 67,3 | ▲ 29,864 | 44,37% |
| 6 | Suối Đá | 4,141 | 9,131 | 12,786 | 1,273 | 7,858 | ▼ 2,868 | 36,50% |
| 7 | Cầm Hang | 0,677 | 1,18 | 1,215 | 0,013 | 1,167 | ▼ 0,664 | 56,86% |
| 8 | Sông Móng | 9,696 | 37,156 | 51,515 | 2,985 | 34,171 | ▲ 6,711 | 19,64% |
| 9 | Ba Bàu | 7,087 | 6,938 | 11,403 | 0,964 | 5,974 | ▲ 6,123 | 102,49% |
| 10 | Đu Đù | 1,883 | 3,664 | 5,217 | 0,297 | 3,367 | ▼ 1,586 | 47,10% |
| 11 | Tân Lập | 1,102 | 1,07 | 1,52 | 0,07 | 1 | ▼ 1,032 | 103,15% |
| 12 | Tà Mon | 0,399 | 0,657 | 0,72 | 0,05 | 0,607 | ▲ 0,349 | 57,50% |
| 13 | Núi Đất | 2,478 | 8,466 | 9,648 | 0,566 | 7,9 | ▲ 1,912 | 24,20% |
| 14 | Trà Tân | 4,185 | 3,888 | 8,333 | 0,403 | 3,485 | ▲ 3,782 | 108,53% |
| 15 | Sông Phan | 2,113 | 3,022 | 3,579 | 0,172 | 2,85 | ▼ 1,941 | 68,10% |
| 16 | Phan Dũng | 3,653 | 13,674 | 18,925 | 1,233 | 12,441 | ▼ 2,420 | 19,45% |
| Tổng Cộng | | 119,441 | 242,811 | 320,579 | 26,252 | 216,559 | 93,188 | 43,03% |

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Thể hiện dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với đầu tuần (ngày 15/07/2016)

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 21/07/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 20,54 triệu m^3 /251,7 triệu m^3 , đạt 8,16 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 1,11 triệu m^3 so với đầu tuần (ngày 15/07/2016).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 15/07/2016 đến 20/07/2016

Tính đến ngày 21/07/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 85,81 triệu m^3 / 522,5 triệu m^3 , đạt 16,42 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 18,73 triệu m^3

so với đầu tuần (ngày 15/07/2016).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 21/07/2016

| Stt | Tên Các Hồ Chứa | DUNG TÍCH (10^6 m^3) | | | | | | Tỷ lệ dung tích hiện tại |
|------------------|------------------|----------------------------------|------------------|------------------|----------------|------------------|------------------|--------------------------|
| | | Hiện Tại | Bình thường | Gia cường | Chết | Hữu ích Thiết kế | Hữu ích Hiện tại | |
| 1 | <u>Đại Ninh</u> | 85,577 | 319,770 | 549,820 | 68,040 | 251,730 | 20,537 | 8,16% |
| 2 | <u>Hàm Thuận</u> | 258,541 | 695,230 | 976,650 | 172,730 | 522,500 | 85,811 | 16,42% |
| Tổng Cộng | | 347,118 | 1.015,000 | 1,526,470 | 240,770 | 774,230 | 106,348 | 13,74% |

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2015.

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân.

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2016. Lịch thời vụ các loại cây trồng.

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi.

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông.
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

| Dự báo KTTV tháng 07/2016 | Dự báo KTTV tuần 3 tháng 07/2016 |
|--|---|
| <p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo lượng mưa tháng 7/2016 đạt xấp xỉ và có nơi cao hơn TBNN, một số nơi dưới TBNN - CTK. Cụ thể các khu vực như sau: Đức Linh, Tánh Linh và vùng núi Hàm Thuận Bắc (Đông Giang) phổ biến: 350-450mm, với 20-22 ngày mưa. Khu vực trung tâm và ven biển phía nam: 150 - 200mm có nơi 200 - 300mm, với 18 - 20 ngày mưa. Khu vực phía bắc: 75 - 100mm có nơi 100 - 120mm, với 15 - 17 ngày mưa.</p> | <p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo lượng mưa phổ biến đạt xấp xỉ và dưới TBNN, cụ thể: Khu vực phía bắc tỉnh: 15 - 30mm; với 2 - 4 ngày mưa. Khu vực trung tâm và phía nam: 30 - 50mm, có nơi 50 - 75mm; với 3 - 5 ngày mưa. Khu vực vùng núi Tây nam: 80 - 120mm; với 4 - 6 ngày mưa.</p> <p>- Tổng lượng bốc hơi: 35 - 45mm.</p> |

- Tổng lượng bốc hơi: 120 - 140mm.

b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và sông Lũy tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 116,45m; Hmax = 119,50m; Hmin = 115,60m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,60m; Hmax = 24,50m; Hmin = 23,00m.

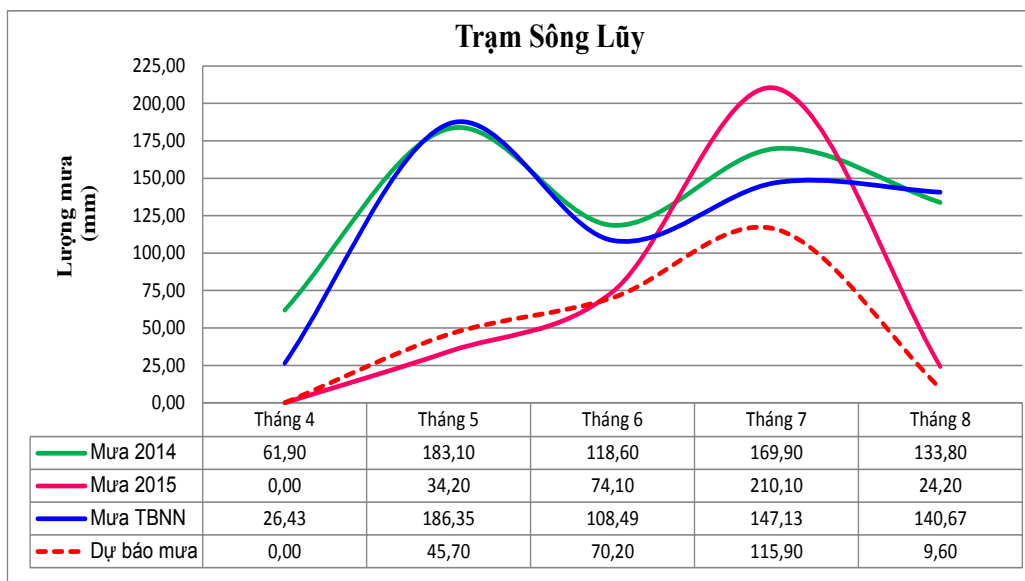
b. Thủy văn:

Mức nước tại trạm Tà Pao và tại trạm Sông Lũy ít thay đổi đến dao động nhỏ và có khả năng xảy ra lũ nhỏ. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

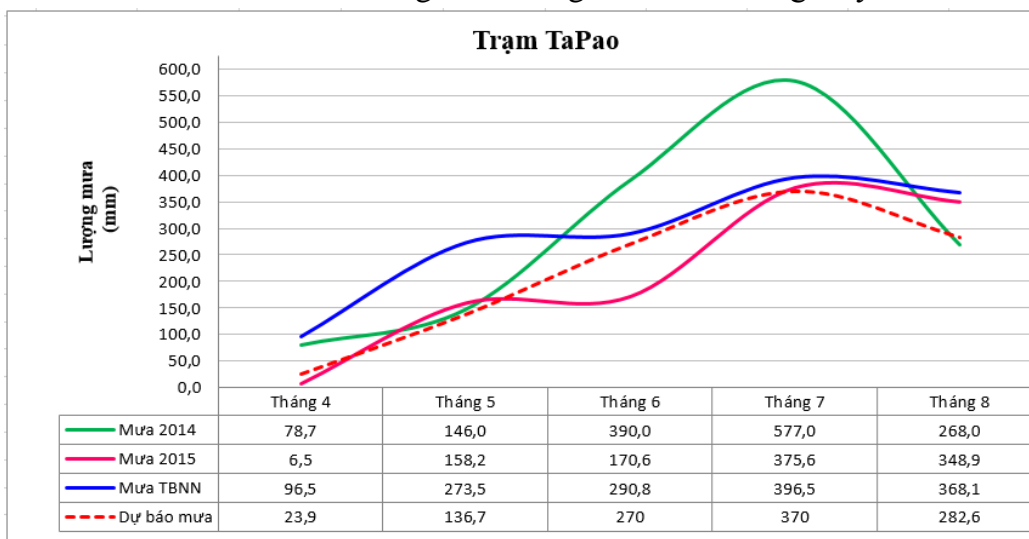
+Tà Pao: Htb=117,00m; Hmax = 119,00m; Hmin = 115,60m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,45m; Hmax = 24,50m; Hmin = 23,00m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa tháng 7 và tháng 8 tại trạm Sông Lũy



Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa tháng 7 và tháng 8 tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2016 tỉnh Bình Thuận.

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 7 – 8) năm 2016 tỉnh Bình Thuận

| TT | LV Sông/ Hồ | Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (10^6 m^3) | | |
|------------------|------------------------------|--|---------|----------------------------------|
| | | Tháng 7 | Tháng 8 | Tổng cộng (10^6 m^3) |
| 1 | Hồ Đá Bạc | - | 0,05 | 0,05 |
| 2 | Hồ Phan Dũng | 1,61 | 3,48 | 5,09 |
| 3 | Hồ Lòng Sông | 1,31 | 6,16 | 7,47 |
| 4 | Đập Sông Lũy | 35,57 | 42,72 | 78,29 |
| 5 | Hồ Cà Giây | 2,79 | 6,03 | 8,82 |
| 6 | Đập Đồng Mới, Tú Sơn,.. | 21,97 | 31,85 | 53,82 |
| 7 | Hồ Sông Quao | 34,04 | 46,82 | 80,86 |
| 8 | Hồ Suối Đá | 1,02 | 2,2 | 3,22 |
| 9 | Hồ Sông Khán | 0,7 | 1,5 | 2,2 |
| 10 | Hồ Cà Giang | 0,57 | 0,32 | 0,89 |
| 11 | Hồ Cẩm Hang | 0,72 | 0,88 | 1,6 |
| 12 | Hồ Sông Móng | 3,14 | 7,21 | 10,35 |
| 13 | Đập Ba Bàu | 6,38 | 13,93 | 20,31 |
| 14 | Hồ Đu Đù | 0,91 | 0,83 | 1,74 |
| 15 | Đập Sông Phan | 12,86 | 14,73 | 27,59 |
| 16 | Hồ Tân Lập | 2,2 | 1,37 | 3,57 |
| 17 | Hồ Tà Mon | 0,98 | 3,62 | 4,6 |
| 18 | Hồ Núi Đất | 0,98 | 3,62 | 4,6 |
| 19 | Hồ Sông Dinh | 53,73 | 84,29 | 138,02 |
| 20 | Đập Cô Kiều | 0,78 | 2,89 | 3,67 |
| 21 | Sông La Ngà (tới đập Tà Pao) | 210,63 | 213,01 | 423,64 |
| 22 | Hồ Trà Tân | 4,82 | 4,21 | 9,03 |
| Tổng cộng | | | | 889,43 |

Dự kiến lượng nước xả tháng 7, tháng 8 (vào những năm ít nước) của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau :

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

| Thủy Điện | | Tháng | | Tổng (10^6 m^3) |
|-----------------|---|-------|------|-----------------------------|
| | | 7 | 8 | |
| Đại Ninh | Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s) | 11 | 11 | 17,2 |
| | Thời gian CM tối thiểu (giờ) | 7 | 7 | |
| Hàm Thuận-Đa Mi | Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s) | 36 | 36,2 | 96,7 |
| | Thời gian CM tối thiểu (giờ) | 12 | 12 | |

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu 2016 (từ tháng 7 đến tháng 8) được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2016 (tháng 7 và tháng 8) là 255,8 triệu m^3 (trong đó tháng cần nhiều nước nhất là tháng 7: 134 triệu m^3).

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mỗi các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu (tháng 7,8) năm 2016

Đơn vị: Triệu m³

















| TT | LV Sông/ Hồ | Vụ Hè Thu 2016 | | | | | | |
|------------------|------------------------------------|--|-------------------------|-------------------------|--------------|--|---------------|---------------|
| | | Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha) | | | | Nhu cầu nước vụ Hè Thu (10 ⁶ m ³) | | |
| | | Lúa | Màu (Ngô, Đậu, Lạc, Mè) | Cây CN, Nho, Thanh Long | Thủy sản | Tháng 7 | Tháng 8 | Tổng |
| Tổng cộng | | 37503 | 24573 | 14761,4 | 647,5 | 134,10 | 121,70 | 255,80 |
| 1 | Hồ Đá Bạc | 84 | | 54 | - | 0,31 | 0,29 | 0,60 |
| 2 | Hồ Phan Dũng | 38 | | 108 | - | 0,36 | 0,35 | 0,71 |
| 3 | Hồ Lòng Sông | 947 | | 195 | 79,2 | 3,66 | 3,41 | 7,07 |
| 4 | Đập Sông Lũy | 7822 | 9877 | 294 | - | 37,82 | 40,29 | 78,11 |
| 5 | Hồ Cà Giấy | 1729 | 2183 | 396 | - | 6,40 | 4,45 | 10,85 |
| 6 | Đập Đồng Mới, Đồng Mãng, Tú Sơn... | 1259 | 1590 | 276 | - | 7,34 | 7,74 | 15,08 |
| 7 | Hồ Sông Quao | 6551 | 2918 | 6622,81 | - | 12,60 | 19,50 | 32,10 |
| 8 | Hồ Suối Đá | 246 | 112 | 470 | - | 0,31 | 0,44 | 0,75 |
| 9 | Hồ Sông Khán | 77 | 32 | 34 | - | 0,14 | 0,22 | 0,36 |
| 10 | Hồ Sông Móng | | | 178 | - | - | - | - |
| 11 | Đập Ba Bàu | 460 | | 3640 | - | 2,17 | 0,87 | 3,04 |
| 12 | Hồ Đu Đủ | 61 | | 987,67 | - | 0,28 | 0,10 | 0,38 |
| 13 | Đập Sông Phan | 1 | | 604,8 | - | 0,07 | 0,07 | 0,15 |
| 14 | Hồ Tân Lập | | | 473,76 | - | - | - | - |
| 15 | Hồ Tà Mon | | | 137,4 | - | - | - | - |
| 16 | Hồ Núi Đất | 312 | | 226 | - | 1,70 | 0,81 | 2,51 |
| 17 | Hồ Sông Dinh | 660 | | 64 | - | 4,09 | 2,22 | 6,31 |
| 18 | Đập Cô Kiều | 40 | | - | - | 0,24 | 0,12 | 0,36 |
| 19 | Sông La Ngà (tới Đập Tà Pao) | 17115 | 7861 | - | 568,3 | 56,45 | 40,79 | 97,23 |
| 20 | Hồ Trà Tân | 101 | | - | - | 0,14 | 0,05 | 0,18 |




4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU 2016.

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 22/07/2016 đến 28/07/2016

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 28/07/2016 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng, tổng dung tích các hồ chứa đến ngày 28/07/2016 đạt 95,8 triệu m³ (chiếm 44,24% so với dung tích thiết kế), tăng 2,61 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 21/07/2016).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 28/07/2016

| TT | Hồ chứa | Cao trình mực nước bình thường (m) | Dung tích hữu ích thiết kế ($10^6 m^3$) | Nguồn nước hiện tại - 21/7/2016 | | | Dự kiến nguồn nước đến 28/7/2016 | | |
|----|---------------|------------------------------------|---|---------------------------------|----------------------------------|--|----------------------------------|---|---|
| | | | | Cao trình mực nước hiện tại (m) | Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$) | Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 21/7/2016 so với thiết kế | Cao trình mực nước (m) | Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$) | Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 28/7/2016 so với thiết kế |
| 1 | Hồ Đá Bạc | 31,01 | 4,478 | 25,78 | 0,218 | 4,86% | 25,35 |  0,0977 | 2,18% |
| 2 | Hồ Lòng Sông | 76,95 | 33,696 | 63,35 | 8,785 | 26,07% | 62,76 |  8,055 | 23,91% |
| 3 | Hồ Cà Giây | 74,7 | 28,512 | 73,90 | 24,612 | 86,32% | 74,06 |  25,392 | 89,06% |
| 4 | Hồ Sông Khán | 106,95 | 1,753 | 102,83 | 0,323 | 18,44% | 102,92 |  0,341 | 19,44% |
| 5 | Hồ Sông Quao | 89 | 67,3 | 81,72 | 29,864 | 44,37% | 82,27 |  32,201 | 47,85% |
| 6 | Hồ Suối Đá | 47 | 7,858 | 45,08 | 2,868 | 36,50% | 44,98 |  2,664 | 33,90% |
| 7 | Hồ Cẩm Hàng | 25 | 1,167 | 24,05 | 0,664 | 56,86% | 23,91 |  0,599 | 51,35% |
| 8 | Hồ Sông Móng | 75,8 | 34,171 | 68,74 | 6,711 | 19,64% | 69,05 |  7,475 | 21,88% |
| 9 | Đập Ba Bàu | 42 | 5,974 | 42,04 | 6,123 | 102,49% | 42,04 |  6,123 | 102,49% |
| 10 | Hồ Đu Đủ | 61 | 3,367 | 59,11 | 1,586 | 47,10% | 58,97 |  1,478 | 43,90% |
| 11 | Hồ Tân Lập | 44 | 1 | 44,07 | 1,032 | 103,15% | 44,05 |  1,023 | 102,25% |
| 12 | Hồ Tà Mon | 46,5 | 0,607 | 45,13 | 0,349 | 57,50% | 45,75 |  0,464 | 76,41% |
| 13 | Hồ Núi Đất | 23,5 | 7,9 | 19,67 | 1,912 | 24,20% | 19,93 |  2,178 | 27,56% |
| 14 | Hồ Trà Tân | 95 | 3,485 | 95,10 | 3,782 | 108,53% | 95,07 |  3,693 | 105,97% |
| 15 | Đập Sông Phan | 70 | 2,85 | 67,74 | 1,941 | 68,10% | 67,63 |  1,899 | 66,64% |
| 16 | Hồ Phan Dũng | 206,4 | 12,441 | 199,78 | 2,420 | 19,45% | 199,43 |  2,118 | 17,02% |
| | Tổng | | 216,559 | | 93,19 | 43,03% | | 95,80 | 44,24% |

Ghi chú:    Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2016

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu, dự báo tuần từ 22/07-31/8/2016 sẽ có:

- + 2/20 hồ/đập nhỏ, nguồn nước vẫn còn ít, chưa có khả năng đáp ứng hết diện tích tưới cho vụ Hè Thu bao gồm: Hồ Đá Bạc (đáp ứng 78,14% nhu cầu nước nông nghiệp), hồ Núi Đất (89,23%).
- + 18/20 hồ/đập có khả năng đáp ứng cho vụ Hè Thu bao gồm: Đập Sông Lũy, hồ Cà Giây, Hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Ba Bàu, hồ Đu Đủ, đập Sông Phan, hồ Tân Lập, hồ Tà Mon, hồ Sông Dinh, đập Cô kiều, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Trà Tân, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa vụ Hè Thu 2016 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2016

| TT | LV Hồ, Đập | Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu | | | | | |
|-------------|-------------------------------|---|---------|--------------|---------------------------------------|-----------------------------|----------------|
| | | Lượng nước thiếu (10 ⁶ m ³) | | | Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2016 | Tháng thiếu nhiều nước nhất | |
| | | Tháng 7 | Tháng 8 | Tổng | | Tỷ lệ đáp ứng | Tháng |
| 1 | Hồ Đá Bạc | 0,046 | 0,085 | 0,131 | 78,14% | 70,86% | Tháng 8 |
| 2 | Hồ Phan Dũng | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 3 | Hồ Lòng Sông | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 4 | Đập Sông Lũy | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 5 | Hồ Cà Giây | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 6 | Đập Đồng Mới, Tú Sơn... | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 7 | Hồ Sông Quao | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 8 | Hồ Suối Đá | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 9 | Hồ Sông Khán | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 10 | Hồ Sông Móng | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 11 | Đập Ba Bàu | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 12 | Hồ Đu Đủ | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 13 | Đập Sông Phan | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 14 | Hồ Tân Lập | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 15 | Hồ Tà Mon | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 16 | Hồ Núi Đất | 0,255 | 0,016 | 0,271 | 89,23% | 85,00% | Tháng 7 |
| 17 | Hồ Sông Dinh | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 18 | Đập Cô Kiều | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 19 | Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao) | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| 20 | Hồ Trà Tân | 0 | 0 | 0 | 100,00% | 100,00% | |
| Tổng | | | | 0,402 | | | |

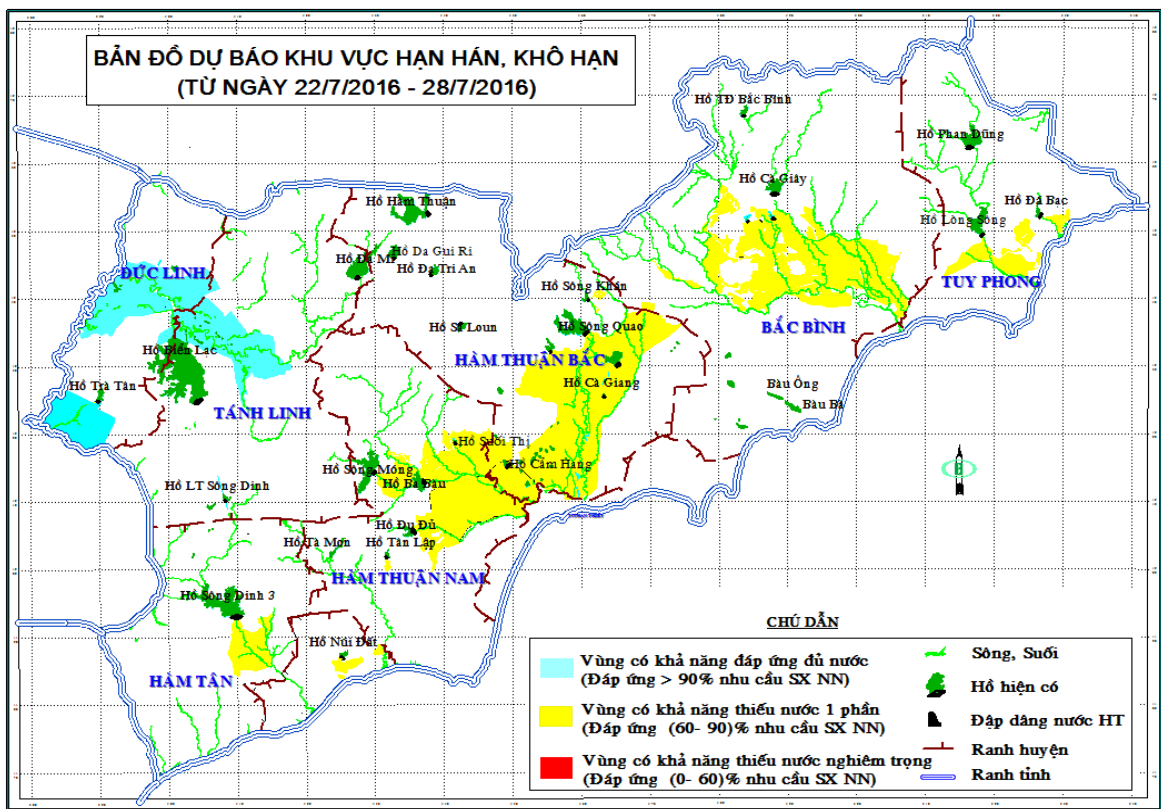
Kiến nghị:

Trên cơ sở kết quả kiểm đếm nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, mưa đã xuất hiện trên diện rộng trên toàn tỉnh tuy nhiên ngành nông nghiệp địa phương vẫn cần: Thường xuyên theo dõi lưu lượng nước xả của Thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi; Cập nhật tình hình diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch chăm sóc cây trồng hợp lý vụ Hè Thu.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 28/7/2016 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 95,8 triệu m³ (chiếm 44,24% so với dung tích thiết kế), do đó kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 28/7/2016 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 8,05 triệu m³, hồ Phan Dũng có 2,11 triệu m³: nên có thể tận dụng nguồn nước có trong hồ và lượng nước mưa để cấp nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Đá Bạc 0,09 triệu m³ : có thể nguồn nước chỉ đáp ứng được 75,14% diện tích sản xuất nông nghiệp (thiếu nước khoảng 30ha lúa);

- Hồ Cà Giây có 25,39 triệu m³: có thể tận dụng nguồn nước thủy điện Đại Ninh, lượng nước trữ trong hồ cấp nước cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Sông Quao có 32,2 triệu m³: có thể tận dụng nguồn nước có trong hồ và lượng nước mưa để cấp nước cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Sông Móng có 7,47 triệu m³, đập Ba Bàu có 6,12 triệu m³, hồ Tà Mon có 0,46 triệu m³, hồ Đu Đủ có 1,47 triệu m³, hồ Tân Lập có 1,02 triệu m³ nên có thể tận dụng nguồn nước trong hồ và lượng nước mưa để cấp nước cho lúa, cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ sông Dinh 3 có 3,81 triệu m³: có thể tận dụng nước mưa và nước hồ để cấp nước sinh hoạt cho Thị xã La Gi, cấp nước cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu.
- Hồ Núi Đất có 2,17 triệu m³ : có thể nguồn nước chỉ đáp ứng được 89,23% diện tích sản xuất nông nghiệp (thiếu nước khoảng 41ha lúa).
- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch 2016.



Hình 5: Bản đồ dự báo các vùng/khu vực có khả năng thiếu nước một phần từ ngày 22/07/2016 đến ngày 28/07/2016

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 21/07/2016

(Lưu ý: Để phục vụ kịp thời cho sản xuất ứng phó chủ động với tình hình hạn hán, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình hạn hán, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: vkhtlmn@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com ./.